

PHÒNG QUAN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002142

Môn học: **Nghệ thuật lãnh đạo (226018) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A404**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **23**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121240153	BÙI NHẬT MAI LY	09/05/2003	CCQ2124F		1	<i>Ly</i>	9.3	8	8.5	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240149	NGUYỄN HUỖNH HÀ MY	25/05/2003	CCQ2124E				0			Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121240145	NGUYỄN THỊ HẰNG	31/03/2003	CCQ2124E		1	<i>Hung</i>	8.6	9	8.8	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240169	PHAN THỊ PHƯƠNG	26/04/2002	CCQ2124F		1	<i>Ph</i>	6	9	7.8	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240127	HUỖNH KIM	01/09/2003	CCQ2124E		1	<i>Kim</i>	5.5	8.5	7.3	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120328	LÊ THỊ KIM	10/09/2003	CCQ2112J		1	<i>Kim</i>	8.3	7	7.5	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240133	NGUYỄN THỊ NGỌC	27/11/2003	CCQ2124E		1	<i>Ngoc</i>	6	8.5	7.5	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240131	NGÔ THỊ THU	18/02/2003	CCQ2124E		1	<i>Thu</i>	8.6	9	8.8	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240137	HUỖNH THÙY QUỲNH	01/02/2003	CCQ2124E		1	<i>Như</i>	8.2	8	8.1	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240176	ĐOÀN XUÂN	16/06/1999	CCQ2124F				0			Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240160	PHẠM THỊ MINH	03/12/2002	CCQ2124F		1	<i>Minh</i>	8.7	7.5	8	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120120556	LƯƠNG THỊ NHƯ	20/08/2001	CCQ2012R		1	<i>Như</i>	5.9	6	6	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121240138	TRẦN THỊ	11/04/2003	CCQ2124E				0			Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240135	NGUYỄN NGỌC	16/04/2001	CCQ2124E		1	<i>Son</i>	8.5	6.5	7.3	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240143	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	18/09/2003	CCQ2124E		1	<i>Phan</i>	5.9	6	6	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240141	VŨ MINH	13/10/2003	CCQ2124E		1	<i>Minh</i>	9.3	8.5	8.8	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240121	DƯƠNG NGỌC ANH	01/01/2003	CCQ2124E		1	<i>Anh</i>	8.2	7	7.5	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240125	ĐINH MINH	20/07/1998	CCQ2124E		1	<i>Minh</i>	0	6.5	3.9	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240147	NGUYỄN THỊ MINH	08/08/2001	CCQ2124E		1	<i>Minh</i>	5.4	7	6.4	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240166	NGUYỄN THANH	09/12/2003	CCQ2124F		1	<i>Tu</i>	0.5	7	4.4	Y 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002142

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

[Signature]

Nguyễn Ngọc Trọng

Số SV có mặt: 22
Số bài thi: 22
Số tờ giấy thi: 23

Môn học: Nghệ thuật lãnh đạo (226018) - Nhóm 05
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 30/06/2022
Phòng thi: A404

Tổ: 002
Giờ: 09:45

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121240136	HUỖNH YẾN	TUYẾT	03/07/2003	CCQ2124E	1	<i>[Signature]</i>	7.7	7	7.3	Y B 1 2 3 4 5 6 7 8
22	2121190165	BÁ THỊ KIM	UYÊN	28/03/2003	CCQ2124F	1	<i>[Signature]</i>	8.1	7	7.4	Y B 1 2 3 4 5 6 7 8
23	2121240148	NGUYỄN NGUYỄN	VŨ	01/02/2002	CCQ2124E			0			Y B 1 2 3 4 5 6 7 8
24	2121240174	TRẦN VĂN	VŨ	19/09/2002	CCQ2124F	1	<i>[Signature]</i>	8.2	8.5	8.4	Y B 1 2 3 4 5 6 7 8
25	2121240142	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	30/10/2003	CCQ2124E	1	<i>[Signature]</i>	5.5	9	7.6	Y B 1 2 3 4 5 6 7 8
26	2120120313	NGUYỄN PHI	YẾN	18/09/2002	CCQ2012I	2	<i>[Signature]</i>	8.2	9.5	9.	Y B 1 2 3 4 5 6 7 8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002141

Môn học: **Nghệ thuật lãnh đạo (226018) - Nhóm 05**
 Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**
 Ngày thi: **30/06/2022**
 Phòng thi: **A205**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

T. Tôn

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **25**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tu
CT

Myndal
NNChau

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121240122	TRẦN HOÀI VÂN ANH	08/12/2003	CCQ2124E		1	Anh	8,6	8.0	8,24	
2	2121240161	TRẦN THỊ TUYẾT ANH	19/06/2003	CCQ2124F		1	Thy	0.0	7.0	4,2	
3	2121240156	VÕ HOÀNG ÂN	19/11/2003	CCQ2124F		1	Anh	6,2	7.0	6,7	
4	2121240123	LÊ THỊ YẾN CHI	19/10/2003	CCQ2124E		1	Chi	5,6	7.5	6,7	
5	2121120272	LÊ UYÊN CHI	30/07/2003	CCQ2112H		1	Chi	8.0	8.0	8	
6	2121240129	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	03/08/2000	CCQ2124E		2	Ja	9.1	9.0	9	
7	2121240140	NGUYỄN TRÍ CƯỜNG	02/02/2003	CCQ2124E		1	Tri	9.2	8.0	8,5	
8	2121240165	NGÔ THỊ MỸ DUNG	19/01/2003	CCQ2124F		1	My	5.6	6.0	5,8	
9	2121240164	NGUYỄN NGỌC MỸ DUYÊN	01/01/2002	CCQ2124F		1	My	6.3	9.0	7,9	
10	2121240173	NGUYỄN THỊ BÉ DUYÊN	20/07/1999	CCQ2124F		2	Bedu	6.0	8.0	7,2	
11	2121240139	LÊ NHẬT HÀ	18/11/2003	CCQ2124E				0			
12	2120120319	LÊ VĂN HẢI	25/03/2001	CCQ2012J		1	Hai	8.9	8.0	8,4	
13	2121240159	LÊ NHƯ HÀO	09/09/2003	CCQ2124F		1	Nh	8.2	5.0	6,3	
14	2121240132	ĐẶNG THỊ NGỌC HÂN	14/03/2003	CCQ2124E		1	Han	8.6	9.0	8,8	
15	2121240175	VÕ THỊ THU HIỀN	17/01/2001	CCQ2124F		1	Thu	8.0	6.0	6,8	
16	2121240126	VÕ THÚY HIỀN	26/10/2003	CCQ2124E		1	Thy	8.7	8.5	8,6	
17	2121240172	HÀ THÁI HỌC	01/01/2003	CCQ2124F		1	Th	8.5	9.0	8,9	
18	2121240150	HOÀNG QUỐC HUY	10/11/2003	CCQ2124E				0			
19	2121120030	HỒ QUỐC KHẢI	20/10/2003	CCQ2112A		1	Kh	5.7	6.0	5,9	
20	2121240146	NGUYỄN HOÀNG TUÂN KHANH	21/05/2003	CCQ2124E				6.5			

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Nghệ thuật lãnh đạo (226018) - Nhóm 05**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A205**

Mã nhận dạng: 002141

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Th
C.T. T

Ngôch
NNchâu

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **25**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121240168	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	05/10/2003	CCQ2124F		1	<i>Khoa</i>	8.9	7.5	8.1	0 1 2 3 4 5 6 7
22	2121240144	TRẦN MINH KHÔI	23/05/2003	CCQ2124E		1	<i>Minh</i>	8.6	8.5	8.5	0 1 2 3 4 5 6 7
23	2121240177	TRƯƠNG ĐĂNG KHÔI	04/06/2003	CCQ2124F		1	<i>Khoa</i>	8.6	7.0	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7
24	2121240151	BÙI NHẬT MAI LINH	09/05/2003	CCQ2124F		1	<i>Lin</i>	9.5	8.5	8.9	0 1 2 3 4 5 6 7
25	2121240128	LÊ THỊ LINH	10/05/2002	CCQ2124E		1	<i>Le</i>	8.2	9.0	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7
26	2121240163	ĐIẾU THÀNH LONG	05/10/2000	CCQ2124F		1	<i>Long</i>	8.3	8.5	8.4	0 1 2 3 4 5 6 7